TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1007/2019/QĐST- DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực

2. Bà Phan Thanh Minh – Cán bộ hưu trí (Trưởng phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em – Sở Lao động Thương binh và xã hội).

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 372/.2014/TLST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2014.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Chế Thị Thanh V**, sinh năm 1975 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vân: Ông **Chế Thanh H**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 134/6 BT, Phường AR, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Sỹ L**, Luật sư Công ty Luật TNHH Thịnh Trí, Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Chế Thanh Ng**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: 537 MP, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Tất Th,** Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Tất Th**,** Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1949 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lan: Ông **Chế Thanh H** (có mặt).

2/ Ông **Chế Thanh H**, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 134/6 BT, Phường AR, Quận AA, Tp. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bải, bà Lan: Ông **Nguyễn Sỹ L**, Luật sư Công ty Luật TNHH Thịnh Trí, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3/ Bà **Nguyễn Kim Bảo Ng**, sinh năm 1989 **(có đơn xin vắng mặt).**

Địa chỉ: 537 MP, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà **Chế Thanh Th**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: 125/33/2 TC, phường TTN, Quận AW, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà **Chế Thị Mộng L**, sinh năm 1964

Địa chỉ: 2602 CDG, TX 75042 USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Chế Thanh Ng** (có mặt).

Địa chỉ: 537 MP, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà **Chế Thị Thanh H**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: 106E/11A LLQ, Phường E, Quận AA, Tp. Hồ Chí Minh.

7/ Ông **Chế Văn S**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: 109/12C LLQ, Phường E, Quận AA, Tp. Hồ Chí Minh.

8/ Bà **Gu Bích L**, sinh năm 1977 (có mặt).

9/ Trẻ **Chế Minh H**, sinh năm 2002;

10/ Trẻ **Chế Ngọc A**, sinh năm 2016.

Trẻ **Chế Minh H** và trẻ **Chế Ngọc A** có ông Chế Thanh Ng là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

Cùng địa chỉ: 537 MP, Phường AP, Quận AA, Tp. Hồ Chí Minh.

11/Trẻ **Chế Chiêu A1**, sinh năm 2019.

Trẻ **Chế Chiêu A1** có ông Chế Thanh H là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

12/ Ông **Đỗ Văn H1**, sinh năm 1945 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 591/8/4 BT, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

13/ **Ủy ban nhân dân Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 270 BT, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Gia H** – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận AA**.**

Tại phiên tòa hôm nay, Ủy ban nhân dân Quận AA có thay đổi người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Thu V – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận AA theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ- UBND ngày 11/6/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận ngày 05/8/2019, đồng thời bà V có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Di sản thừa kế do ông Chế Văn B để lại và phần tài sản của bà Nguyễn Thị L là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở gắn liền với đất tại địa chỉ số 537 MP, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 1146/2002 do Ủy ban nhân dân Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2002 cho ông Chế Văn B và bà Nguyễn Thị L.

[2.2] Các bên đương sự thống nhất cha mẹ của ông B chết trước ông B.

Ông B chết năm 2007 không để lại di chúc. Ông Chế Văn B không có con riêng và con nuôi nào khác.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông B gồm: Bà Chế Thanh Th, sinh năm 1962; bà Chế Thị Mộng L, sinh năm 1964; ông Chế Thanh Ng, sinh năm 1966; bà Chế Thị Thanh H, sinh năm 1968; ông Chế Văn S, sinh năm 1970; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; bà Chế Thị Thanh V, sinh năm 1975; ông Chế Thanh H, sinh năm 1977.

[2.3] Các đương sự thống nhất chia thừa kế của ông Chế Văn B và phần tài sản của bà Nguyễn Thị L như sau:

- Nguyên đơn là bà Chế Thị Thanh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chế Thanh H, bà Nguyễn Thị L được nhận 60% quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 537 MP, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn là ông Chế Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chế Mộng Loan, bà Chế Thị Thanh H, bà Chế Thanh Th và ông Chế Văn S được nhận 40% giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 537 MP, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông H, bà V và bà L được nhận căn nhà nêu trên và có nghĩa vụ thanh toán lại kỷ phần thừa kế là 40% giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 537 MP cho bị đơn là ông Chế Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chế Mộng Loan, bà Chế Thị Thanh H, bà Chế Thanh Th và ông Chế Văn S.

- Ông H, bà V và bà L được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục, giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định sau khi thanh toán đủ 40% giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 537 MP cho bị đơn là ông Chế Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chế Mộng L, bà Chế Thị Thanh H, bà Chế Thanh Th và ông Chế Văn S.

[2.4] Nguyên đơn bà Chế Thị Thanh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chế Thanh H, bà Nguyễn Thị L đồng ý cho bị đơn là ông Chế Thanh Ng ở lại trong căn nhà số 537 MP, Phường AP, Quận AA, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 06 (sáu) tháng và cho đến khi bị đơn là ông Chế Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chế Mộng L, bà Chế Thị Thanh H, bà Chế Thanh Th và ông Chế Văn S nhận đủ kỷ phần thừa kế là 40% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 537 MP do bà Vân, bà Lan và ông Bải thanh toán.

[2.5] Các bên đương sự tự thỏa thuận giá trị hoặc yêu cầu Công ty Thẩm định giá tiến hành thẩm định giá quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 537 MP và thi hành trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự này.

[2.6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí định giá là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do bà Chế Thị Thanh V đã tạm ứng theo Phiếu thu tiền số 380 ngày 05/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Chế Thị Thanh V đã đóng đủ.

+ Nguyên đơn là bà Chế Thị Thanh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chế Thanh H, bà Nguyễn Thị L đồng ý chịu 50% chi phí định giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Trong đó, bà V, ông H và bà L mỗi người phải chịu 334.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Ông Bải và bà Lan có trách nhiệm trả lại cho bà Vân mỗi người 334.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

+ Bị đơn ông Chế Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chế Mộng L, bà Chế Thị Thanh H, bà Chế Thanh Th và ông Chế Văn S đồng ý chịu 50% chi phí định giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Trong đó, ông Ng, bà Th, bà H, bà L và ông S mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Ông Ng, bà Th, bà H, bà L và ông S có trách nhiệm trả lại cho bà Vân mỗi người 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

[2.7] Về án phí:

Các đương sự thống nhất giá trị căn nhà để làm căn cứ tính án phí theo Biên bản định giá ngày 20/4/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 5.788.856.202 đồng (Năm tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm lẻ hai đồng). Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với kỷ phần thừa kế được nhận, cụ thể như sau:

+ Ông H, bà V và bà Lnhận 60% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do ông Chế Văn H để lại, tương ứng với mỗi người nhận 20% giá trị nhà và đất. Do đó:

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.733.137 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn một trăm ba mươi bảy đồng).

Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.733.137 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn một trăm ba mươi bảy đồng) nhưng được miễn tiền án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.733.137 đồng (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn một trăm ba mươi bảy đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) do bà V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2011/09568 ngày 21/4/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận AA. Bà Chế Thị Thanh V còn phải nộp 41.733.137 (Bốn mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn một trăm ba mươi bảy đồng).

+ Bị đơn là ông Chế Thanh Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chế Mộng L, bà Chế Thị Thanh H, bà Chế Thanh Th và ông Chế Văn S nhận đủ kỷ phần thừa kế là 40% giá trị quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do ông Chế Văn B để lại, tương ứng với mỗi người nhận 8% giá trị nhà và đất. Do đó:

Ông Ng, bà L, bà H, bà Th, ông S mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.524.340 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm bốn mươi đồng).

Thi hành tại tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Quận AA;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong